TÒA ÁN NH DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 28-3-2023
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Bà Đậu Thị Quy và bà Lê Thị Thái Lan;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên –Thư ký Toà án nH dân tỉnh Phú Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nH dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nH dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nH gia đình sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nH dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; có đơn xin vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1954; nơi cư trú: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3/ *Người kháng cáo*: Bị đơn Lê Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nH: Bà Lê Thị T với ông Lê Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND phường Xuân Thành. Quá trình chung sống, do tính tình không hợp nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Hiện tại, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm chia sẻ với nhau, mục đích hôn

nH không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Cùng với việc khởi kiện, ngày 03/10/2022, vợ chồng đã lập văn bản thỏa thuận pH chia tài sản chung, cụ thể như sau:

+ Giao cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng đối với: Diện tích đất 122m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ QH, tọa lạc: Khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu.

+ Giao cho ông Lê Văn H quản lý, sử dụng đối với: Nhà cấp 4 gắn trên diện tích đất 110m^2 thuộc thửa đất số L2-53, tờ bản đồ quy hoạch pH lô, tọa lạc: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định của UBND huyện Sông Cầu "về việc giao đất xây dựng nhà ở tại đô thị" số 1898/QĐ-UB ngày 03/9/2003.

Các giấy tờ nhà đất nêu trên đều do ông H giữ nên đề nghị Tòa án buộc ông H phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu cho bà T để làm thủ tục đăng ký biến động theo quy định pháp luật.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn H trình bày được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nH: Thống nhất như bà T trình bày. Vợ chồng có kết hôn và hiện nay mâu thuẫn không hòa giải được nên thống nhất ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Thống nhất như bà T trình bày.

Vợ chồng thống nhất thỏa thuận giao cho bà T quản lý, sử dụng đối với: Diện tích đất 122m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ QH, tọa lạc: Khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên; và giao cho ông H quản lý, sử dụng đối với: Nhà cấp 4 gắn trên diện tích đất 110m^2 thuộc thửa đất số L2-53, tờ bản đồ quy hoạch pH lô, tọa lạc: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Ngoài tài sản trên, vợ chồng còn có 7,5 cây vàng 9999, do bà T giữ; số tiền 1.800.000.000đ, có nguồn gốc do trúng vé số, do bà T trực tiếp nhận và giữ. Ông H yêu cầu bà T phải chia đôi số vàng và tiền nêu trên.

Tại Bản án hôn nH gia đình sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST ngày 09-01-2023 của Tòa án nH dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, đã Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014; Các điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nH: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho Lê Thị T và ông Lê Văn H ly hôn.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự theo Văn bản thỏa thuận tài sản chung ngày 03/10/2022, cụ thể như sau:

+ Giao cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng đối với: Diện tích đất 122m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ QH, tọa lạc: Khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu.

+ Giao cho ông Lê Văn H quản lý, sử dụng đối với: Nhà cấp 4 gắn trên diện tích đất 110m^2 thuộc thửa đất số L2-53, tờ bản đồ quy hoạch pH lô, tọa lạc: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định của UBND huyện Sông Cầu "về việc giao đất xây dựng nhà ở tại đô thị" số 1898/QĐ-UB ngày 03/9/2003.

Bà T và ông H được đăng ký biến động theo quy định pháp luật. Ông H có trách nhiệm giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu cho bà T để thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định pháp luật.

[4] Bác yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Văn H đối với: 7,5 cây vàng y 9999 và số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

-Ngày 13/01/2023 bị đơn Lê Văn H kháng cáo về nội dung tranh chấp tài sản 7,5 cây vàng 9999 và số tiền 1.800.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Bị đơn ông Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

-Nguyên đơn bà Lê Thị T vắng mặt;

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn Lê Thị T không thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là 7,5 cây vàng 9999 và 1.800.000.000đ do trúng số kiến thiết. Trong khi đó Lê Văn H lại cho rằng vợ chồng có số tài sản trên nhưng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào liên quan đến việc vợ chồng đã mua tích lũy để có được số vàng; đối với tiền trúng số thì ông H cũng không cung cấp chứng cứ và không biết trước đây vợ chồng mua số kiến thiết của ai, ở đâu; không biết số trúng đặc biệt là dãy số gì, của Công ty nào phát hành và thời gian nào. Tòa cấp sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn không cung cấp được, nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ mới để xem xét. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận, nhưng bị đơn thuộc đối tượng được miễn án, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H; giữ nguyên bản án hôn nH gia đình sơ thẩm số: 01/2023/HNGĐ-ST, ngày 09-01-2021 của Tòa án nH dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào các Điều 33, 51, 56, 59 của Luật Hôn nH và Gia đình năm 2014; các điều 12, 26, 27, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nH: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị T; nguyên đơn Lê Thị T được ly hôn với bị đơn Lê Văn H.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự theo Văn bản thỏa thuận tài sản chung ngày 03/10/2022, cụ thể như sau:

+ Giao cho bà Lê Thị T quản lý, sử dụng đối với: Diện tích đất 122m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ QH, tọa lạc: Khu phố Phước Lý, phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu.

+ Giao cho ông Lê Văn H quản lý, sử dụng đối với: Nhà cấp 4 gắn trên diện tích đất 110m^2 thuộc thửa đất số L2-53, tờ bản đồ quy hoạch pH lô, tọa lạc: Khu phố Dân Phước, phường Xuân Thành, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Theo Quyết định của UBND huyện Sông Cầu "về việc giao đất xây dựng nhà ở tại đô thị" số 1898/QĐ-UB ngày 03/9/2003.

Bà T và ông H được đăng ký biến động theo quy định pháp luật. Ông H có trách nhiệm giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AI 478954 ngày 03/12/2007 của UBND thị xã Sông Cầu cho bà T để thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định pháp luật.

[4] Bác yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Văn H đối với: 7,5 cây vàng y 9999 và số tiền 1.800.000.000đ (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*).

[5] Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị T và ông Lê Văn H.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định: Bà Lê Thị T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định với số tiền 5.714.000đ (*Năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng*); được trừ vào số tiền 5.714.000đ (*Năm triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng*) tạm ứng đã nộp là thi hành xong.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Lê Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thị xã Sông Cầu(2);
- Phòng KTNV-THA;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Quang